

Số: 19/2025/QĐST-DS

Yên Sơn, ngày 24 tháng 4 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ vào Điều 144, Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 4 năm 2025, về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 146/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Anh **Lý Văn Đ**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Bà **Đặng Thị S**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Lý Thị T**, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:* Ông **Hứa Văn T1**, sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; nơi tạm trú: Tổ dân phố P, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Xác định toàn bộ diện tích đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ 12.324,1m<sup>2</sup>, có tổng giá trị là 443.667.600 đồng là tài sản chung của ông Lý Văn H

và bà Đặng Thị S. Trong đó: Phần tài sản thuộc quyền sở hữu của bà Đặng Thị S là diện tích đất 6.162,05m<sup>2</sup>, có tổng giá trị 221.833.800 đồng; phần tài sản thuộc quyền sở hữu của ông Lý Văn H là di sản thừa kế chưa chia là diện tích đất 6.162,05m<sup>2</sup>, có tổng giá trị 221.833.800 đồng.

**2.2.** Xác định ông Lý Văn H chết năm 2016 không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông Lý Văn H gồm: Bà Đặng Thị S, anh Lý Văn Đ và chị Lý Thị T.

**2.3.** Thoả thuận chia toàn bộ tài sản chung của bà Đặng Thị S và ông Lý Văn H như sau: Bà Đặng Thị S và chị Lý Thị T không nhận bất cứ tài sản nào trong số tài sản chung nêu trên của ông H và bà S; giao toàn bộ tài sản chung của bà Đặng Thị S và ông Lý Văn H (bao gồm toàn bộ phần tài sản của bà S và phần di sản thừa kế để lại chưa chia của ông Lý Văn H) là diện tích đất **12.324,1m<sup>2</sup>**, có tổng giá trị **443.667.600 đồng** cho anh Lý Văn Đ được toàn quyền quản lý, sử dụng định đoạt. Các thửa đất anh Lý Văn Đ được quyền sử dụng được ký hiệu là: Thửa đất số 01, 02, 03, 04, cụ thể như sau:

- Thửa đất số **01** có diện tích **6.533,2m<sup>2</sup>** thuộc một phần thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 02 bản đồ 672 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI767434, ngày 15/7/2011 của UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và một phần thửa đất số 260, tờ bản đồ giải thửa số 27 xã T. Ranh giới thửa đất được xác định bởi các điểm nối liền liên tiếp 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11, 12,13,14,69,70,53,54,55,56,57,58,59,60,61,62,63, 64,1 theo mảnh trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo quyết định và là một phần không tách rời của quyết định; trên đất có 01 nhà gỗ diện tích 40m<sup>2</sup>.

- Thửa đất số **02** có diện tích **637,2m<sup>2</sup>** thuộc một phần thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 02 bản đồ 672 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI767434, ngày 15/7/2011 của UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và một phần thửa đất số 260, tờ bản đồ giải thửa số 27 xã T. Ranh giới thửa đất được xác định bởi các điểm nối liền liên tiếp 20,21,65,66,67,68,69,14, 15,16,17,18,19,20 theo mảnh trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo quyết định và là một phần không tách rời của quyết định.

- Thửa đất số **03** có diện tích **3.111,6m<sup>2</sup>** thuộc một phần thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 02 bản đồ 672 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI767434, ngày 15/7/2011 của UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và một phần thửa đất số 260, tờ bản đồ giải thửa số 27 xã T. Ranh giới thửa đất được xác định bởi các điểm nối liền liên tiếp 21,22,23,24,77,76,75,74, 73,72,71,70,69,68,67,66,65,21 theo mảnh trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo quyết định và là một phần không tách rời của quyết định.

- Thửa đất số **04** có diện tích **2.042,1m<sup>2</sup>** thuộc một phần thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 02 bản đồ 672 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI767434, ngày 15/7/2011 của UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và một phần



thửa đất số 260, tờ bản đồ giải thửa số 27 xã T. Ranh giới thửa đất được xác định bởi các điểm nối liền liên tiếp 24,25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35, 36,37,38,39,40,41,42,43,44,45,46,47,48,49,50,51,52,53,70,71,72,73,74,75,76,77,24 theo mảnh trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo quyết định và là một phần không tách rời của quyết định.

**2.4.** Công nhận Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 18/12/2024 giữa anh Lý Văn Đ và ông Hứa Văn T1 có hiệu lực; công nhận cho ông Hứa Văn T1 được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất nhận chuyển nhượng từ anh Lý Văn Đ theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ là **12.324,1m<sup>2</sup>**. Các thửa đất ông Hứa Văn T1 được quyền sử dụng được ký hiệu là: Thửa đất số 01, 02, 03, 04, cụ thể như sau:

- Thửa đất số **01** có diện tích **6.533,2m<sup>2</sup>** thuộc một phần thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 02 bản đồ 672 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI767434, ngày 15/7/2011 của UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và một phần thửa đất số 260, tờ bản đồ giải thửa số 27 xã T. Ranh giới thửa đất được xác định bởi các điểm nối liền liên tiếp 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14, 69,70,53,54,55,56,57,58,59,60,61,62,63, 64,1 theo mảnh trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo quyết định và là một phần không tách rời của quyết định; ông Hứa Văn T1 được quyền sử dụng 01 nhà gỗ diện tích 40m<sup>2</sup> nằm trên diện tích đất.

- Thửa đất số **02** có diện tích **637,2m<sup>2</sup>** thuộc một phần thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 02 bản đồ 672 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI767434, ngày 15/7/2011 của UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và một phần thửa đất số 260, tờ bản đồ giải thửa số 27 xã T. Ranh giới thửa đất được xác định bởi các điểm nối liền liên tiếp 20,21,65,66,67,68,69,14, 15,16,17,18,19,20 theo mảnh trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo quyết định và là một phần không tách rời của quyết định.

- Thửa đất số **03** có diện tích **3.111,6m<sup>2</sup>** thuộc một phần thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 02 bản đồ 672 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI767434, ngày 15/7/2011 của UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và một phần thửa đất số 260, tờ bản đồ giải thửa số 27 xã T. Ranh giới thửa đất được xác định bởi các điểm nối liền liên tiếp 21,22,23,24,77,76,75,74, 73,72,71,70,69,68,67,66,65,21 theo mảnh trích đo hiện trạng thửa đất kèm theo quyết định và là một phần không tách rời của quyết định.

- Thửa đất số **04** có diện tích **2.042,1m<sup>2</sup>** thuộc một phần thửa đất số 1204, tờ bản đồ số 02 bản đồ 672 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI767434, ngày 15/7/2011 của UBND huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và một phần thửa đất số 260, tờ bản đồ giải thửa số 27 xã T. Ranh giới thửa đất được xác định bởi các điểm nối liền liên tiếp 24,25,26,27,28,29,30,31,32,33,34,35,36,37,38,39,40,41,42,43,44,45,46,47, 48,49,50,51,52,53,70,71,72,73,74,75,76,77,24 theo mảnh trích đo hiện trạng thửa

đất kèm theo quyết định và là một phần không tách rời của quyết định.

*Các đương sự có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký, đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.*

**2.5.** Về chi phí tố tụng: Anh Lý Văn Đ tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ là 17.261.524đ (*Mười bảy triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn, năm trăm hai bốn đồng*). Anh Lý Văn Đ đã nộp đủ tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Các đương sự khác không phải chịu tiền chi phí tố tụng.

**2.6.** Về án phí:

- Miễn Toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho anh Lý Văn Đ (là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn). Trả lại cho anh Lý Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0002282 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

- Ông Hứa Văn T1 phải chịu 75.000đ (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 0002246 ngày 14/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Trả lại cho ông Hứa Văn T1 số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 225.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

- Các đương sự khác không phải chịu tiền án phí.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Yên Sơn;
- Chi cục THADS huyện Yên Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Mạnh Hồng**

